

Một số nguyên tắc cơ bản trong quản lý phát triển xã hội theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen

Nguyễn Thị Vân Anh*

Nhận ngày 18 tháng 01 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 3 năm 2025.

Tóm tắt: Trong bài viết này, tác giả trình bày bốn nguyên tắc cốt lõi mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề xuất về quản lý phát triển xã hội nhằm xây dựng một xã hội công bằng và dân chủ, trong đó nhân dân là chủ thể chính. Đó là: (1) Nhân dân là chủ thể quản lý phát triển xã hội; (2) Tăng cường giám sát và hạn chế quyền lực của bộ máy chính quyền; (3) Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội; (4) Quyền làm chủ xã hội thuộc về nhân dân. Trên cơ sở đó tác giả cho rằng, quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen về quản lý phát triển xã hội là nền tảng lý luận cho việc nghiên cứu và áp dụng các nguyên tắc quản lý xã hội trong thực tiễn hiện nay để hướng tới một xã hội công bằng, ổn định và phát triển bền vững.

Từ khóa: C.Mác và Ph.Ăngghen, quản lý, phát triển xã hội.

Phân Loại ngành: Triết học

Abstract: In this article, the author presents four core principles that K. Marx and F. Engels pointed out on social development management to build a fair and democratic society, in which the people are the main subjects. The principles are that: (1) the people are the subjects of social development management; (2) [it is needed] to strengthen oversight and limit the power of the administration apparatus; (3) [it is needed] to ensure social justice and equality; and (4) the right to master society belongs to the people. On that basis, the author deems that the view of K. Marx and F. Engels on social development management is the theoretical foundation for the study and application of social management principles in the current practical situation toward a fair, stable and sustainably developed society.

Keywords: K. Marx and F. Engels, management, social development.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Quản lý phát triển xã hội có vai trò quan trọng đối với việc định hình một xã hội phát triển lành mạnh và bền vững. Năng lực của người quản lý xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng điều phối các hoạt động xã hội, đảm bảo sự cân bằng và phát triển hài hòa. C.Mác cho rằng mọi hoạt động lao động xã hội đều cần có sự chỉ đạo để điều hòa các hoạt động cá nhân, nhằm thực hiện các chức năng chung phát sinh từ sự vận động của toàn bộ hệ thống sản xuất. Ông viết: “Tất cả mọi lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng đều cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung phát sinh từ sự vận động của toàn bộ cơ thể sản xuất khác với sự vận động của những khí quan độc lập của nó. Một người đốc tầu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002, t.23: 480). C.Mác và Ph.Ăngghen tuy chưa có kinh nghiệm

* Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nguyenvananh.sh@gmail.com

thực tiễn quản lý phát triển xã hội của một quốc gia hay một nhà nước thực sự, nhưng có nhiều tư tưởng khoa học về cách quản lý phát triển xã hội của xã hội tương lai. C.Mác viết: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.19: 47). Ở đoạn trích này C.Mác nói về mô hình quản lý xã hội hoàn toàn mới và tiến bộ sẽ có trong xã hội tương lai.

Trong số những tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về xã hội, một phần đáng kể là quan niệm về quản lý phát triển xã hội. Bài viết này sử dụng cách tiếp cận lịch sử triết học cùng với một số phương pháp nghiên cứu cụ thể, bao gồm: phương pháp văn bản học, chú giải học, phân tích, tổng hợp, logic, và lịch sử. Qua đó, bài viết đã trình bày, phân tích và làm rõ bốn nguyên tắc cơ bản trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen về quản lý phát triển xã hội.

2. Nguyên tắc nhân dân là chủ thể quản lý phát triển xã hội

Mặc dù giai cấp tư sản luôn rao giảng về “dân chủ”, “tự do” và “bình đẳng”, C.Mác chỉ ra rằng quản lý xã hội thực chất là công cụ để giai cấp thống trị cai trị vì lợi ích riêng. Trong tác phẩm “Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ”, C.Mác nhấn mạnh rằng quyền lực nhà nước trong xã hội tư bản không thể phục vụ lợi ích chung, mà ngược lại, chỉ bảo vệ quyền tư hữu. Trước sự áp bức này, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định rằng, giai cấp vô sản cần lật đổ giai cấp tư sản giành quyền tự do và quản lý xã hội, chỉ khi nhân dân thực sự nắm quyền, quyền lực mới được sử dụng để phục vụ lợi ích của toàn xã hội. Các ông nhấn mạnh rằng nhà nước tư sản không thể “làm điều thiện”, mà chỉ là công cụ thống trị (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 446). Khi giai cấp vô sản giành chính quyền, họ cần trải qua thời kỳ “chuyên chính vô sản”, trong đó quyền quản lý phát triển xã hội thuộc về nhân dân. Nỗ lực của Công xã Pari năm 1871 là minh chứng cho việc giao quyền quản lý cho giai cấp vô sản, thể hiện rõ tầm quan trọng của chủ thể nhân dân trong quản lý xã hội.

C.Mác cho rằng, để công dân có thể hưởng các quyền hợp pháp và phát triển tự do, giai cấp vô sản cần giành chính quyền nhà nước. Điều này sẽ tạo điều kiện thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa, đồng thời biến tư liệu sản xuất thành sở hữu nhà nước. Tuy nhiên, chính quyền nhà nước không biến mất mà chỉ thay đổi bản chất và được sử dụng một cách hợp lý hơn để phục vụ lợi ích của toàn xã hội. Để thấy rõ sự khác nhau của chủ thể quản lý phát triển xã hội. C.Mác viết: “Chế độ nhà nước sẽ biến đổi như thế nào trong một xã hội cộng sản chủ nghĩa? Nói một cách khác, lúc bấy giờ sẽ còn lại những chức năng xã hội nào giống như những chức năng hiện nay của nhà nước? Chỉ có thể giải đáp câu hỏi đó một cách khoa học mà thôi, và dù có ghép từ “nhân dân” với từ “nhà nước” đến một nghìn lần thì người ta cũng không làm cho vấn đề nhích thêm được một chút nào” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.19: 47).

Theo C.Mác, trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, nhà nước sẽ không còn là công cụ đàn áp giai cấp mà chuyển thành cơ cấu phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội. Chức năng của nhà nước sẽ thay đổi từ việc kiểm soát các giai cấp đối kháng sang tổ chức các hoạt động xã hội, đảm bảo sự phát triển toàn diện. Một số chức năng như duy trì trật tự xã hội, bảo đảm an ninh và phân phối tài nguyên công bằng vẫn cần thiết, nhưng sẽ được thực hiện bởi cơ quan đại diện cho lợi ích nhân dân. Mác cũng đề cập đến thời kỳ quá độ giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó nhà nước sẽ là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản, tập trung vào giải phóng giai cấp lao động và xóa bỏ áp bức. Quản lý

phát triển xã hội là điều kiện cần thiết để thúc đẩy kinh tế và văn hóa, nhằm tạo ra trật tự và ổn định. Pháp quyền chính trị trong xã hội chủ nghĩa sẽ cung cấp điều kiện để giai cấp vô sản quản lý xã hội hiệu quả và duy trì ổn định chính trị.

Tháng 3/1871, quần chúng nhân dân và giai cấp vô sản tại Pari đã khởi nghĩa vũ trang, lật đổ giai cấp tư sản và thành lập chính quyền vô sản đầu tiên là Công xã Pari (Trần Thanh Tuấn và cộng sự, 2011: 163). Khi đó, C.Mác và Ph.Ăngghen đã lãnh đạo phong trào công nhân, đưa ra khẩu hiệu “chủ quyền của nhân dân” từ quan điểm giai cấp vô sản, đồng thời sử dụng lý luận của mình để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặc dù Công xã chỉ tồn tại 72 ngày (Nguyễn Thanh Tuấn và cộng sự, 2011: 145), song C.Mác đã nghiên cứu kỹ lưỡng quá trình hình thành và kết thúc của nó, từ đó đề xuất các nguyên tắc quản lý phát triển xã hội. Chuyên chính vô sản được coi là công cụ bảo vệ lợi ích quần chúng, với quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, cho phép họ hưởng các quyền dân chủ và chính trị. C.Mác khẳng định Công xã Pari là chính quyền của giai cấp công nhân nhờ nguyên tắc nhân dân làm chủ, trong đó hầu hết các đại biểu là công nhân. Công xã đã đặt nền tảng cho một hệ thống dân chủ Cộng hòa thực sự, với nguyên tắc quản lý phát triển xã hội là “chủ quyền của nhân dân” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 131).

“Nguyên tắc chủ quyền của nhân dân” có giá trị vĩnh hằng mà C.Mác đã nhấn mạnh trong tác phẩm *Nội chiến ở Pháp*. Ông cho rằng, nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp vô sản là thiết lập chuyên chính vô sản để trả lại quyền cho nhân dân, với ba nội dung cơ bản:

Một là, chủ quyền quốc gia thuộc về nhân dân, nghĩa là nhân dân lao động và giai cấp vô sản là chủ thể quyết định chế độ và ai có thể tham gia quản lý phát triển xã hội.

Hai là, nhân dân phải được hưởng quyền bầu cử phổ thông. Trong xã hội tư bản, quyền bầu cử của người dân thường là giả dối. Ngược lại, dưới chủ nghĩa xã hội, các công chức nhà nước phải do nhân dân bầu ra và có thể bị bãi bỏ bất cứ lúc nào, quyền bầu cử đó là thật sự.

Ba là, để ngăn chặn công chức trở thành những người thống trị xã hội, cần bãi bỏ mọi đặc quyền của họ. Tất cả công chức trong bộ máy nhà nước, từ các ủy viên Công xã đến những nhân viên cấp thấp, đều phải nhận lương bằng mức lương của công nhân. Về điều này, C.Mác viết: “Từ các ủy viên Công xã cho tới những nhân viên cấp thấp nhất đều phải đảm bảo công vụ với mức lương ngang lương công nhân” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 449); “Những đặc quyền đặc lợi và những phụ cấp chức vụ của những kẻ quyền cao chức trọng của nhà nước cũng biến đi cùng với chính ngay những kẻ quyền cao chức trọng đó. Chức vị xã hội không còn là sở hữu riêng của bọn bộ hạ của chính phủ trung ương nữa” (C. Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 499-450). Cũng theo C.Mác, việc này sẽ chấm dứt tình trạng người dân theo đuổi thăng tiến và giàu có thông qua các vị trí công quyền. Thay vào đó, các chức vụ liên quan đến tư pháp, hành chính và giáo dục cần phải được bầu cử theo phương thức phổ thông, giúp công chúng có khả năng đánh giá và giám sát hoạt động của những người công chức trong suốt nhiệm kỳ của họ.

Nguyên tắc chủ quyền phổ biến là cốt lõi trong tư tưởng quản lý xã hội của C.Mác. Ông khẳng định rằng chỉ khi tuân thủ “nguyên tắc nhân dân làm chủ”, người dân mới thực sự được hưởng quyền chính trị của mình. Nguyên tắc này không chỉ tạo nền tảng chính trị cho sự phát triển toàn diện của xã hội mà còn khuyến khích người dân tham gia tích cực vào các hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội. Khi nhân dân được thực thi quyền làm chủ, việc quản lý xã hội sẽ hiệu quả hơn, góp phần nâng cao đời sống và phát triển bền vững cho toàn thể cộng đồng.

Trong quan niệm của C.Mác, “Công xã không nên là một cơ quan đại nghị, mà phải là một cơ thể hành động, vừa hành chính, vừa lập pháp” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 449). Ông đề xuất một hình thức chính quyền mới, nơi cơ quan này không chỉ thực hiện chức năng lập pháp mà còn có khả năng thực thi quyết định, nhằm phản ánh sự kết hợp giữa chức năng hành chính và lập pháp. C.Mác chỉ ra rằng cơ quan đại nghị thường gắn liền với sự phân chia quyền lực, dẫn đến việc đại biểu chỉ thực hiện chức năng lập pháp mà không tham gia vào quản lý thực tế. Ông khẳng định rằng “nhân dân là chủ quyền của nhà nước”, nghĩa là quyền lập pháp phải đại diện cho nguyện vọng của nhân dân. Công xã cần phải gần gũi với người dân, cho phép họ tham gia trực tiếp vào quy trình lập pháp và hành chính (Nguyễn Thanh Tuấn và cộng sự, 2011: 163-164). Điều này sẽ tạo ra một hệ thống chính quyền linh hoạt và hiệu quả, cho phép phản ứng nhanh chóng với các vấn đề xã hội và thực hiện chính sách ngay lập tức mà không cần qua nhiều cấp độ phê duyệt. Quan điểm của C.Mác không chỉ phê phán các hình thức quản lý xã hội truyền thống mà còn đề xuất một mô hình mới, nơi quyền lực thực sự thuộc về nhân dân và được thực thi hiệu quả. Điều này thúc đẩy dân chủ trực tiếp và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào các quyết định quan trọng, từ đó xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ hơn.

C.Mác viết: “Những biện pháp riêng biệt của Công xã chỉ có thể cho thấy rõ xu hướng phát triển của sự cai quản nhân dân do chính nhân dân đảm nhiệm” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 461). Luận điểm này có ý nói rằng bản chất của Công xã Paris là một chính phủ của giai cấp công nhân, với các biện pháp cai quản nhân dân do chính nhân dân đề ra và đảm nhiệm. C.Mác cho rằng mô hình Công xã Paris có thể được tham khảo trong việc thiết lập một hệ thống nhà nước dân chủ do giai cấp vô sản lãnh đạo: “Công xã đồng thời là chính phủ của công nhân, là người chiến sĩ dũng cảm đấu tranh để giải phóng lao động, nên Công xã cũng hoàn toàn có đầy đủ tính chất quốc tế” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 459). Tất nhiên, để thực hiện được sứ mệnh này, giai cấp công nhân cần “phải trải qua nhiều cuộc đấu tranh lâu dài, và trải qua cả một loạt những quá trình lịch sử làm hoàn toàn biến đổi cả hoàn cảnh và con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 455).

C.Mác nhấn mạnh rằng nhân dân phải là chủ thể trong quản lý phát triển xã hội thông qua ba điểm chính: (1) Thiết lập chế độ dân chủ khi giai cấp vô sản nắm quyền; (2) Trong xã hội cộng sản, nhân dân tự tổ chức các thiết chế quản lý và bầu ra đại biểu công nhân; (3) Nhân dân có quyền giám sát công chức, đảm bảo họ bảo vệ lợi ích của nhân dân và làm việc chăm chỉ. Tóm lại, chỉ khi thực hiện những điều này, nhân dân mới thực sự trở thành người chủ của đất nước và tham gia vào quá trình quyết định vận mệnh của chính mình, góp phần xây dựng một xã hội công bằng và dân chủ.

3. Nguyên tắc tăng cường giám sát và kiểm soát quyền lực của bộ máy chính quyền

Giai cấp tư sản tuyên bố rằng nền dân chủ tư bản dựa trên tam quyền phân lập, nhưng thực tế cho thấy quyền hành pháp luôn chiếm ưu thế. Sau khi nắm quyền, giai cấp tư sản không cho phép giai cấp vô sản sử dụng quyền lập pháp để hạn chế chính mình. C.Mác chỉ ra rằng nhà nước tư sản, ban đầu được hình thành để giải phóng khỏi phong kiến, cuối cùng trở thành công cụ nô dịch lao động, chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản nhằm tối đa hóa lợi nhuận và duy trì ổn định chính trị. Vì vậy, C.Mác và Ph.Ăngghen đề xuất tăng cường giám sát và hạn chế quyền lực để bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, hướng tới một xã hội công bằng hơn.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, việc kiểm soát và giám sát quyền lực là cần thiết để giai cấp vô sản thích ứng với thời đại, ngăn ngừa tham nhũng và bảo đảm quản lý xã hội hoạt động hiệu quả. Tham nhũng thường xảy ra khi những người có quyền lực lạm dụng quyền hạn để thu lợi bất hợp pháp. Do đó, khi trao quyền cho cán bộ công chức, nhân dân cần giám sát quyền hạn của họ để bảo vệ lợi ích chung.

C.Mác rất chú trọng đến việc kiểm soát và giám sát quyền lực trong tổ chức chính trị nhằm bảo đảm rằng quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Ông cho rằng, nguyên tắc tổ chức chính trị là “nhân dân tự mình hành động và hành động cho chính bản thân mình” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 689). Nguyên tắc này không chỉ nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong việc tự quản lý cuộc sống của mình mà còn thể hiện sự cần thiết phải có sự giám sát và kiểm soát hiệu quả đối với quyền lực công. Điều này chính là nền tảng của một hệ thống dân chủ thực sự.

C.Mác cho rằng “sự thống nhất hành động và sách lược” chính là phương thức để nhân dân thực hiện quyền giám sát (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.19: 193). Người dân được trao quyền bầu cử phổ thông và quyền bãi miễn, quyền đó cho phép họ có khả năng kiểm soát hoạt động của các quan chức nhà nước. Điều này rất quan trọng, vì nó ngăn chặn khả năng các quan chức trở thành những ông chủ của xã hội, thay vì phục vụ lợi ích của nhân dân. Việc giám sát quyền lực là cần thiết để bảo vệ các quyền lợi cơ bản của người dân và giữ cho các quan chức luôn phải chịu trách nhiệm về hành động của mình.

Ngoài ra, C.Mác và Ph.Ăngghen còn nhấn mạnh việc thiết lập hệ thống đại hội đảng và thực hiện chính quy hóa, thể chế hóa các hình thức giám sát trong đảng. Khi xây dựng *Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản*, hai ông đã ấn định hệ thống đại hội là một phần cơ bản của tổ chức. Điều lệ quy định: “Đại hội là cơ quan lập pháp của toàn Liên đoàn”, “Ban chấp hành trung ương là cơ quan chấp hành của toàn thể Liên đoàn” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1993, t.7: 739). Cụ thể, theo Điều lệ ấy, Đại hội là cơ quan quyền lực cao nhất và là cơ quan lập pháp của toàn đảng, quyết định mọi công việc trọng đại của toàn đảng. Tư tưởng ở điều lệ này thể hiện rõ ràng rằng đại hội không chỉ có vai trò kiểm soát mà còn là cơ quan quyết định chính, đảm bảo rằng mọi quyết định đều xuất phát từ sự đồng thuận và quyền lợi của toàn thể thành viên. Ban chấp hành trung ương là cơ quan chấp hành của Đại hội, có nhiệm vụ báo cáo trước đại hội và báo cáo tình hình của toàn đảng với tổ chức cấp dưới, tổ chức các cấp ở địa phương còn phải báo cáo công tác trước Đại hội Đảng, báo cáo Trung ương khi Đại hội không họp; lãnh đạo và kiểm tra giám sát các cơ quan của Liên đoàn (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1993, t.7: 738-740). Điều này cho thấy rằng không chỉ đại hội, mà cả Ban chấp hành trung ương cũng phải chịu trách nhiệm trước đại hội và nhân dân về mọi hoạt động và quyết định của mình. Các cơ quan địa phương cũng phải báo cáo công tác trước đại hội, điều này góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm trong hoạt động của đảng.

Hàng loạt các quy định này thể hiện rõ ràng đại hội với tư cách là cơ quan quyền lực cao nhất trong đảng không chỉ có trách nhiệm giám sát mà còn kiểm soát các cơ quan hành chính của đảng cùng cấp. Từ đó, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xây dựng một hệ thống quy định chính trị mà trong đó quyền lực được kiểm soát chặt chẽ và nhân dân thực sự có thể tham gia vào quá trình ra quyết định. Như vậy, C.Mác và Ph.Ăngghen không chỉ đề xuất một mô hình chính quyền mà còn tạo ra một cơ chế để bảo đảm rằng quyền lực luôn thuộc về nhân dân và được thực hiện một cách có trách nhiệm.

Ngoài ra, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc công khai các công việc của chính phủ. Các ông cho rằng nhiều hoạt động của chính phủ cần được công khai cho xã hội. Tất cả lãnh đạo cấp cơ sở và các ủy viên cấp xã nên tích cực tham gia vào việc tiếp xúc với cử tri, báo cáo công tác tại các cuộc họp, và quan trọng hơn, lắng nghe ý kiến đóng góp từ những người tham gia. Việc này sẽ giúp họ đặt công việc của mình dưới sự giám sát của nhân dân. Trong *Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản* có quy tắc: “Mỗi Ban Chấp hành Khu hội, hoặc nếu không có Ban chấp hành, thì từng chi hội và ngay cả từng hội viên của Liên đoàn, phải thường xuyên trao đổi thư tín với Ban Chấp hành Trung ương hoặc với Ban Chấp hành Khu hội” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2000, t.42: 576). Theo đó, mọi Ban Chấp hành Khu hội, hoặc nếu không có Ban chấp hành, thì từng chi hội và hội viên, đều phải duy trì việc trao đổi thư tín với Ban Chấp hành Trung ương hoặc Ban Chấp hành Khu hội. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc giao tiếp trong tổ chức, tạo điều kiện cho sự thông suốt và minh bạch trong mọi hoạt động. Việc yêu cầu từng hội viên cũng tham gia vào quá trình trao đổi thông tin cho thấy rằng tổ chức rất coi trọng ý kiến và đóng góp của từng cá nhân. Quy tắc này không chỉ khuyến khích sự tham gia tích cực mà còn giúp xây dựng một môi trường dân chủ bên trong tổ chức. Những quy tắc chung trong *Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản*, đã phản ánh một hệ thống tổ chức được xây dựng dựa trên sự minh bạch, trách nhiệm và sự tham gia của tất cả các thành viên. Các quy tắc ấy không chỉ giúp củng cố sức mạnh của tổ chức mà còn đảm bảo rằng quyền lực luôn thuộc về nhân dân, được thực hiện một cách có trách nhiệm và hiệu quả, thể hiện một tư duy tiến bộ trong quản lý tổ chức, hướng tới một phong trào công nhân mạnh mẽ và gắn kết.

Kết hợp với kinh nghiệm từ phong trào Công xã Paris, C.Mác đã đề xuất nhiều biện pháp nhằm tăng cường hạn chế và giám sát quyền lực của các cán bộ công quyền ở mọi cấp. Về nguyên tắc tổ chức, ông cho rằng, “Công xã gồm những đại biểu thành phố do đầu phiếu phổ thông ở các khu của Paris bầu lên. Họ là những đại biểu có trách nhiệm và có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 449); quân đội của chế độ cũ bị xóa bỏ và thay bằng nhân dân vũ trang; cảnh sát trở thành cơ quan có trách nhiệm của công xã và có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào; các viên chức trong bộ máy hành chính cũng vậy, có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào; đặc quyền, đặc lợi của quan chức nhà nước bị thủ tiêu (Nguyễn Thanh Tuấn và cộng sự, 2011: 164). Những biện pháp này không chỉ giúp thanh lọc hàng ngũ của giai cấp vô sản, kiểm chế tình trạng tham nhũng cá nhân mà còn xây dựng một tổ chức quản lý phát triển xã hội trong sạch và trung thực.

Những nguyên tắc này phản ánh rõ ràng tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về việc đảm bảo rằng quyền lực nằm trong tay nhân dân và được thực hiện một cách minh bạch và có trách nhiệm. Hơn nữa, phương pháp giám sát này sẽ giúp biến các cơ quan quản lý, bao gồm cả các cơ quan hành chính, chính trị và quân sự, thành nơi làm việc của những người lao động thực sự.

4. Nguyên tắc công bằng và bình đẳng xã hội

Trong hệ thống xã hội tư bản chủ nghĩa, chế độ sở hữu tư nhân là nền tảng cho việc tích lũy tài sản và thường được sử dụng để phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản. Những tuyên bố về “dân chủ tư sản” thực chất chỉ là hình thức, không phản ánh bản chất của hệ thống này. Mặc dù sản lượng vật chất tăng lên, đời sống của giai cấp lao động lại không được cải thiện mà còn tồi tệ hơn do bị bóc lột. Dân chủ tư sản phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản, với quyền

bầu cử bị kiểm soát qua tiêu chuẩn tài sản, biến nó thành đặc quyền của những người có tiền. Quyền lực của đồng tiền trở thành nền tảng chính trị, che đậy sự thống trị và áp bức giai cấp vô sản. Chính vì vậy, thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội là mục tiêu mà C.Mác và Ph.Ăngghen theo đuổi suốt đời, và đã đưa ra nhiều phân tích lý luận về vấn đề này. Theo các ông, để đạt được công bằng xã hội, trước tiên, cần phát triển lực lượng sản xuất, vì chỉ có nền tảng kinh tế vững chắc mới biến lý thuyết thành hiện thực. Thứ hai, công bằng và bình đẳng phải được xây dựng trên tự do và bình đẳng thực sự. C.Mác chỉ ra rằng xã hội tư bản dẫn đến phân hóa giai cấp nghiêm trọng, và khái niệm “tự do,” “bình đẳng” của giai cấp tư sản chỉ mang tính hình thức, không thể vì lợi ích chung mà hy sinh lợi ích riêng. Do đó, việc xác lập chính quyền vô sản là cần thiết để nhân dân làm chủ đất nước, từ đó xóa bỏ sự bóc lột.

Tuy nhiên, giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, hay chủ nghĩa xã hội, vẫn còn ảnh hưởng từ xã hội tư bản. Trong giai đoạn này, mỗi người lao động đóng góp một lượng sức lao động nhất định, từ đó xã hội khấu trừ những phần cần thiết và người lao động tự tính toán thù lao dựa trên lượng lao động của mình. Việc trao đổi lượng lao động ngang nhau là quyền công bằng mà mọi người lao động được hưởng trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội.

Trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gôta*, C.Mác đã đưa ra quan điểm về phân phối sản phẩm của lao động, hình thức phân phối sản phẩm được căn cứ chủ yếu theo lao động, trên nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, trừ những người không có khả năng lao động. Tuy nhiên, sản phẩm làm ra người lao động không phải hưởng toàn bộ mà phải trích lại một phần để tái sản xuất xã hội, cho những hoạt động cộng đồng, cho phúc lợi xã hội (Nguyễn Xuân Phong, 2011: 75-76).

C.Mác cho rằng để thu hẹp khoảng cách thu nhập, cần tiến hành điều chỉnh và phân phối lại thu nhập của người dân. Ông đề xuất hai ý nghĩa chính trong việc này. Trước hết, trong tổng sản phẩm xã hội, có ba khoản cần được trừ ra. Ông viết: “Một là, phần để thay thế những tư liệu sản xuất đã tiêu dùng. Hai là, một phần phụ thêm để mở rộng sản xuất. Ba là, một quỹ dự trữ hoặc quỹ bảo hiểm để phòng những tai nạn, những sự rối loạn do các hiện tượng tự nhiên gây ra,…” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.19: 31-32). Cuối cùng, sau khi trừ đi những khoản này, tổng sản phẩm còn lại sẽ được phân bổ để đáp ứng nhu cầu tập thể của xã hội. Ông viết: “*Một là, những chi phí quản lý chung, không trực tiếp thuộc về sản xuất.* So với xã hội hiện nay, phần này sẽ lập tức bị thu hẹp lại hết sức nhiều và xã hội mới càng phát triển thì phần đó sẽ càng giảm xuống. *Hai là, những khoản dùng để cùng chung nhau thỏa mãn những nhu cầu,* như trường học, cơ quan y tế,... Phần này lập tức tăng lên khá nhiều so với xã hội hiện nay, và xã hội mới càng phát triển thì phần đó lại càng tăng lên. *Ba là, quỹ cần thiết để nuôi những người không có khả năng lao động,*... tóm lại là những cái thuộc về việc mà ngày nay, người ta gọi là cứu tế xã hội của nhà nước” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.19: 32). Phần này bao gồm việc chi trả cho các dịch vụ công cộng như giao thông và chăm sóc y tế. Ngoài ra, một phần của tổng sản phẩm cũng sẽ được sử dụng để chi trả cho các phí quản lý thông thường không liên quan trực tiếp đến sản xuất. Cuối cùng, C.Mác cho rằng cần thành lập quỹ bảo hiểm cho những người tàn tật, những người không thể tự lo cho cuộc sống của mình. Những điều chỉnh này không chỉ nhằm mục đích giảm thiểu chênh lệch thu nhập mà còn tạo ra một xã hội công bằng hơn, nơi mọi người đều có thể hưởng lợi từ thành quả của sản xuất.

Như vậy, trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, nhà nước và nền chuyên chính vô sản có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích của quần chúng, với quyền lực thuộc về nhân dân. Tuy nhiên, đất nước cũng phải đối mặt với các nguy cơ từ bên ngoài như xâm lược và thiên tai, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn tài sản của người dân. C.Mác đề xuất thành lập một cơ quan quản lý đặc biệt để đảm bảo an toàn cho tài sản công và thiết lập quỹ bảo hiểm hỗ trợ những người gặp khó khăn. Khi quản lý xã hội phát triển, cần thúc đẩy hình thành các tổ chức xã hội và dịch vụ công cộng để chia sẻ trách nhiệm, từ đó bảo vệ an toàn tài sản công và tính mạng của nhân dân. C.Mác nhấn mạnh rằng công bằng và bình đẳng thực sự chỉ có thể đạt được trong chủ nghĩa cộng sản, với nguyên tắc “Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.19: 36). Ông nhận định trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản, do hạn chế về năng suất và trình độ phát triển, không thể đạt được sự phân phối hoàn hảo, bởi, “đó là những thiếu sót không thể tránh khỏi trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, lúc nó vừa mới lột lòng từ xã hội tư bản chủ nghĩa ra, sau những cơn đau đẻ dài. Quyền không bao giờ có thể ở một mức cao hơn chế độ kinh tế và sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.19: 35-36). Tuy nhiên, ở giai đoạn phát triển cao hơn của chủ nghĩa cộng sản, nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu” sẽ được thực hiện.

Theo phân tích của C.Mác, quản lý xã hội của Công xã Pari đều thể hiện nguyên tắc công bằng và bình đẳng xã hội qua ba lý do chính. *Một là*, công xã thực hiện sở hữu công cộng. Trong bản Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra một số biện pháp cụ thể như “tước đoạt sở hữu ruộng đất”, “áp dụng thuế lũy tiến cao”, “xóa bỏ quyền thừa kế”, “tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn”, “thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người”, “giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.4: 627-628),... Những cải cách này giúp bóc lột các thuộc tính xã hội của tư liệu sản xuất, phục vụ nhân dân và thực hiện công bằng xã hội. *Hai là*, Công xã bãi bỏ đặc quyền lương cao để đảm bảo công bằng, xác định quyền lực thuộc về nhân dân. Việc bãi bỏ lương cao cho công chức nhằm ngăn chặn đặc quyền và tạo ra sự chênh lệch lương không công bằng. Công xã thiết lập mức lương tối đa, quy định mức lương thống nhất cho nhân dân lao động để tránh bất công xã hội (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.22: 290). *Ba là*, Công xã Pari xây dựng tổ chức chính trị kết hợp “chương trình nghị sự” và hành động, với các đại biểu được nhân dân bầu ra, lập ủy ban công xã thống nhất về pháp chế và hành chính. Điều này thể hiện một chính phủ thực sự của nhân dân, bảo vệ công bằng và dân chủ cho mọi người, từ đó nhận được sự đồng tình và ủng hộ từ đông đảo quần chúng.

5. Nguyên tắc quyền làm chủ thuộc về nhân dân

Trong mô hình quản lý phát triển xã hội của chủ nghĩa tư bản, dân chủ tư sản xuất hiện trên nền tảng kinh tế tư bản và sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật. Sự ra đời của chế độ này đã xóa bỏ hệ thống phong kiến và các đặc quyền của giai cấp quý tộc, mang lại tự do cho nhân dân và thúc đẩy tiến bộ xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen nhận định rằng thành lập chế độ dân chủ tư sản là bước tiến quan trọng trong lịch sử, cải tiến cơ cấu chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy nhiên, thực chất, dân chủ tư sản vẫn là sự thống trị của giai cấp tư sản, khi quyền tự do và bình đẳng chỉ nhằm bảo vệ lợi ích tư hữu. Do đó, dân chủ tư sản không thể hiện đầy đủ chức năng của quyền lực nhà nước để phục vụ lợi ích của toàn thể nhân dân, mà chỉ trở thành công cụ thống trị của giai cấp này.

C.Mác và Ph.Ăngghen nhiều lần nhấn mạnh rằng mục tiêu của quản lý sản xuất và phát triển xã hội là vì con người, vì sự giải phóng và phát triển con người. Vì vậy, chuyên chính vô sản thực chất là một tổ chức bạo lực để đàn áp sự phản kháng của giai cấp tư sản. C.Mác viết: “Công xã muốn tiêu diệt cái quyền sở hữu giai cấp đang làm cho lao động của nhiều người biến thành sự giàu có của một số ít người. Nó muốn tước đoạt những kẻ đi tước đoạt. Nó muốn biến quyền sở hữu cá nhân trở thành một hiện thực, bằng cách biến những tư liệu sản xuất, ruộng đất và tư bản, hiện nay chủ yếu là công cụ nô dịch và bóc lột lao động, thành công cụ lao động tập thể và tự do” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 455). Tuy nhiên, với tư cách một hình thức tổ chức chính trị nhà nước, Công xã khác biệt với hệ thống tổ chức nhà nước tư sản và được xây dựng theo nguyên tắc dân chủ nhân dân. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen nói rằng, giai cấp công nhân phải thực hiện quyền cai trị thì mới thực hiện được dân chủ: “Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.4: 626). Vì vậy, chuyên chính vô sản về bản chất là chuyên chính dân chủ nhân dân. Khi đó, quản lý xã hội của nhà nước vô sản thực chất là quản lý xã hội của nền dân chủ nhân dân. C.Mác phân tích sâu sắc chuyên chính vô sản ở Công xã Pari và nhận xét rằng, Công xã Pari đã thực sự thực hiện quyền lực của nhân dân, trong đó công việc của nhân dân được quản lý thông qua các đại biểu do nhân dân bầu ra. Cụ thể C.Mác cho rằng công xã có đặc điểm như sau.

Một là, người dân có quyền bầu cử phổ thông và quyền bãi nhiệm. Thông qua chế độ bầu cử, đông đảo quần chúng nhân dân bầu ra những người đại biểu của nhân dân để quản lý xã hội, là đại biểu cho lợi ích của nhân dân, là lực lượng hùng hậu của nhân dân đấu tranh chống lại áp bức bóc lột, là hình thức chính trị quan trọng để thực hiện quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, điều này phản ánh chân thực địa vị của nhân dân là người làm chủ đất nước. Trong tác phẩm *Nội chiến ở Pháp*, C.Mác đã chỉ ra rằng, Công xã Pari là một “cuộc cách mạng nhân dân” thực sự và các ủy viên hội đồng thành phố là do người dân các quận Pari bầu ra từ tầng lớp lao động thông qua phổ thông đầu phiếu. Do bản chất giai cấp của giai cấp vô sản, họ xác định rằng họ phải phục vụ nhân dân Công xã Pari. Nhưng nếu những công chức này vi phạm pháp luật và nguyên tắc của dân thì dân có quyền bãi nhiệm họ bất cứ lúc nào (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 449). Thông qua cách thức tổ chức chính trị này, nhân dân tham gia rộng rãi và hiệu quả vào sự quản lý của nhà nước, thực hiện địa vị làm chủ của mình.

Hai là, nhân dân có quyền giám sát rộng rãi. Công xã Pari thi hành thể chế “chính phủ của giai cấp công nhân” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 454), bao gồm quân đội, cảnh sát, tư pháp và nhân viên tư pháp, tất cả đều do nhân dân bầu ra và chịu sự giám sát của nhân dân. Ngoài ra, các công việc của chính quyền cấp xã phải được công khai và chịu sự giám sát của nhân dân. Các loại công chức đều phải tham dự đại hội bầu cử, lắng nghe ý kiến phê bình, góp ý của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Qua những biện pháp này, nhân dân có thể kiểm soát quyền lực nhà nước và thực hiện quản lý của chính họ.

Ba là, nhà nước có thể chuyển đổi chức năng quản lý và phát huy tối đa quyền lực của nhân dân. C.Mác cho rằng chế độ chuyên chính của giai cấp vô sản cần dựa trên chính quyền tự quản địa phương; ngay cả những làng nhỏ nhất trong cả nước cũng nên thành lập một xã, biến nó thành một đơn vị thực thi chính trị để quản lý mọi công việc chung trong khu vực;

“Công xã cần phải trở thành hình thức chính trị của ngay cả những thôn xóm nhỏ nhất” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 450); hệ thống quản lý công xã cấp cơ sở này là cách hiệu quả để khôi phục quyền lực cho nông dân và thực hiện quản lý của nhân dân; “tất cả các chức năng xã hội, ngay cả một số ít chức năng lẻ ra là của chính phủ trung ương, đều do các viên chức Công xã thực hiện và do đó đặt dưới sự kiểm tra của Công xã” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 790); “chính phủ tập quyền cũ cũng phải nhường chỗ cho cơ quan tự quản của những người sản xuất” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 450); “những chức năng hợp lý của chính phủ không phải do những cơ quan đứng trên xã hội, mà là do những viên chức có trách nhiệm của chính xã hội thực hiện” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 791); “Công xã đã cung cấp cho nền cộng hòa cái cơ sở của những thiết chế thực sự dân chủ” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1994, t.17: 453). Như vậy, thực tiễn quản lý phát triển xã hội của Công xã Pari đã giúp cho C.Mác và Ph.Ăngghen có thêm những phân tích đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm trong về cách thức quản lý phát triển xã hội trong tương lai.

6. Kết luận

Trên đây là bốn nguyên tắc trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen về quản lý phát triển xã hội. Hai ông không bàn chi tiết về cách thức quản lý phát triển xã hội trong tương lai, mà dự đoán rằng, xã hội tương lai sẽ là “sự tập trung với quy mô toàn quốc những tư liệu sản xuất sẽ trở thành cơ sở toàn quốc của một xã hội gồm những tổ chức liên hợp của những người sản xuất bình đẳng và tự do, tiến hành lao động xã hội theo một kế hoạch chung và hợp lý” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 1995, t.18: 86); xã hội tương lai sẽ gồm các tổ chức liên hợp của những người sản xuất bình đẳng và tự do; trong xã hội tương lai mọi người sẽ tiến hành lao động xã hội theo một kế hoạch chung và hợp lý, lực lượng sản xuất sẽ phát triển mạnh mẽ, mọi người sẽ có cơ hội tự do phát triển một cách toàn diện, và việc quản lý phát triển xã hội sẽ trở nên đơn giản hơn; mục tiêu của quản lý xã hội trong xã hội tương lai là sự phát triển toàn diện của con người, giải phóng con người, cải tạo thế giới, chuyển dịch trạng thái từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa cộng sản một cách có ý thức, chủ động, phù hợp với quy luật khách quan. Quan điểm đó của C.Mác và Ph.Ăngghen về quản lý phát triển xã hội cũng chính là quan điểm của V.I.Lênin về quản lý phát triển xã hội sau này.

Tài liệu tham khảo

- C.Mác và Ph.Ăngghen *Toàn tập*. (1993; 1994; 1995; 2000; 2002). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Giả Hằng Hân. (26/7/2016). Tư tưởng quản lý xã hội của C.Mác và gợi mở. *Tạp chí điện tử Diễn đàn Nhân dân*. <http://www.rmlt.com.cn/2016/0726/434514.shtml>
- Mã Đồ. (1997). Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăng ghen về quản lý xã hội cộng sản. *Tạp chí Đại học Quảng Tây. Ấn bản Triết học và Khoa học Xã hội*. số 1.
- Miêu Quý Sơn. (2010). *Nghiên cứu tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về nhà nước và quản lý xã hội*. Viện Khoa học Chính trị, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc. http://chinaps.cssn.cn/xszy/zzxlwsjk/mkszytyj/mksegszzxs/201506/t20150626_2364730.shtml
- Nguyễn Ngọc Hà. (2024). *Các tác phẩm triết học của Mác, Ăngghen và Lênin (Giới thiệu và trích dẫn)*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thanh Tuấn, Trần Ngọc Linh, Trần Nguyễn Tuyên. (Đồng chủ biên, 2011). *Tập bài giảng về quan điểm chính trị trong một số tác phẩm kinh điển Mác - Lênin*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Nguyễn Xuân Phong. (2011). *Giới thiệu một số tác phẩm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về chính trị*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.